TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2025
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025TLST - HNGĐ ngày ngày 03 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S1, sinh năm 1996 (chị S1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn MB, xã HL, huyện LG, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn N1, sinh năm 2001 (anh N1 vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TrNĐ, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Hoàng Thị S1 trình bày:

Chị và anh Bùi Văn N1, sinh năm 2001, có địa chỉ: Thôn TrNĐ, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 06/5/2024 được Uỷ ban nhân dân xã AN, huyện T1, tỉnh T2 chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gánh nặng cuộc sống gia đình, vợ chồng xa cách nên thường xảy ra bất đồng, khác biệt về quan điểm sống, mâu thuẫn càng trầm trọng, không thể hoà hợp. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn N1.

Về con chung, theo chị S1, chị và anh Bùi Văn N1 có 01 con chung là Bùi Minh Kh, sinh ngày 13/11/2024, hiện nay con Kh đang ở với chị. Khi ly hôn, chị S1 đề nghị

Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh Kh; chị S1 không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Bùi Văn N1 thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải. Anh Bùi Văn N1 đã gửi qua bưu điện về Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 các văn bản, thể hiện quan điểm của mình.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị, văn bản trình bày ý kiến đề ngày 14/4/2025, anh Bùi Văn N1 trình bày:

Ngày 06/5/2024, anh N1 và chị Hoàng Thị S1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AN, huyện T1, tỉnh T2 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2024. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn Trình Nhất Đông, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Trong thời gian chung sống, do gánh nặng cuộc sống gia đình, vợ chồng xa cách nên thường có những bất đồng trong cuộc sống. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không khí gia đình càng căng thẳng, quan điểm sống khác nhau không thể hoà hợp. Mặc dù đã được gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng anh chị vẫn không thể hoà thuận, tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa. Nay vợ chồng anh nhận thấy tình yêu không còn, cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị S1.

Về con chung, theo anh N1, anh và chị S1 có 01 con chung là Bùi Minh Kh, sinh ngày 13/11/2024, hiện nay con Kh đang ở với chị S1. Do cháu Kh còn nhỏ nên anh N1 đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu Kh được ở với mẹ là chị Hoàng Thị S1.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn N1 đề nghị do công việc bận rộn nên anh đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử tại Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị S1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Bùi Văn N1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S1 và anh N1.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Hoàng Thị S1 và anh Bùi Văn N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị S1 cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gánh nặng cuộc sống gia đình, vợ chồng xa cách nên thường xảy ra bất đồng, khác biệt về quan điểm sống, mâu thuẫn càng trầm trọng, không thể hoà hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

[2.2] Chị S1 có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; anh N1 đã nhận được các văn bản do Toà án gửi, vì lý do công việc bận rộn không đến Toà án làm việc được, anh N1 đã gửi qua bưu điện về Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 các văn bản gồm bản tự khai, đơn đề nghị, văn bản trình bày ý kiến đề ngày 14/4/2025 thể hiện quan điểm của mình, trong đó anh N1 xác định vợ chồng tình yêu không còn, cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị S1. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị S1 và anh N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Hoàng Thị S1 được ly hôn anh Bùi Văn N1.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, anh N1, chị S1 có có 01 con chung là Bùi Minh Kh, sinh ngày 13/11/2024, hiện nay con Kh đang ở với chị S1. Hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị S1; cả anh N1 và chị S1 đều thống nhất khi ly hôn đề nghị Toà án giao cho chị S1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh Kh, chị S1 không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì vậy cần giao cho chị S1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh Kh. Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S1; anh N1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị S1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Hoàng Thị S1 được ly hôn anh Bùi Văn N1.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị S1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh Kh, sinh ngày 13/11/2024. Anh Bùi Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S1; anh N1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị S1 phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S1 đã nộp theo Biên lai số 0002940 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Hoàng Thị S1 đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã AN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền